

Lêi mễ ㊦Cu

Kh«ng ph¶i ngẾu nhiªn cũ ngêi coi triỐt hắc nh ỉu khoa hắc cũa mải khoa hắc. Còng kh«ng ph¶i ngẾu nhiªn trong ỉpch số, nhự triỐt hắc ㊦c gải ỉu nhự th«ng th,i, nhự hiỒn triỐt, ngêi n³/₄m ㊦íc bÝ mÊt cũa sù vỄt... thỄm chÝ trong ỉpch số nh©n lo'i, cũ thêi kú mụ x· hêi ㊦Et nhự triỐt hắc vµo vP trÝ cao nhÊt, cũ nhự c¶i t'ỏ ㊦Et nhự triỐt hắc vµo vP trÝ cao nhÊt cũa c¬ cỂu tæ chøc x· hêi (Platon víi m« h×nh "Nhự níc lý tềng")...

TÊt c¶ nh÷ng ㊦iỒu Êy khiỒn triỐt hắc trê thụnհ mét m«n thỏ vP, mét c,i g× ㊦ã k× bÝ ỉum con ngêi ẽ mải thêi ㊦'ỉ ㊦am m^a, ham muèn hiỒu s©u h¬n vµ ㊦ãng gắp sọc m×nh vµo c,i ỉ©u ㊦µi k× bÝ vµ hoa ỉỖ ㊦ã. KÓ tở khi ra ㊦êi tr¶i qua nhiỒu giai ㊦o'n ph,t triỐn ㊦'t ㊦ic nhiỒu thụnհ tầu rúc rì th× triỐt hắc lu«n ph¶n ,nh sù ph,t triỐn trÝ tuỖ loµi ngêi vµ thóc ㊦Ềy t duy loµi ngêi, ㊦«i khi cũn trê thụnհ vò khÝ s³/₄c bĐn nhÊt cho nh÷ng g× tiỒn bé cũa sù ph,t triỐn ㊦ã. Ngụy nay triỐt hắc ㊦· thục sù trê thụnհ khoa hắc, ㊦· hoµn chỒnh h¬n v× vỄy ý nghĨa ỉu ㊦éng lúc cho sù ph,t triỐn cũa ㊦êi sềng x· hêi cụng râ nĐt h¬n, con ngêi cụng ㊦ic hoµn thiỒn h¬n vỒ t duy lý luỄn.

§ã ỉu mEt t,c ㊦éng ㊦Ồn ㊦êi sềng x· hêi tở b¶n th©n khoa hắc triỐt hắc. Ngụy nay, mEc dĩ sù ph,t triỐn nh vò b,o cũa khoa hắc kù thuỄt, sù ph,t triỐn vỒ mEt vỄt chÊt cũa ㊦êi sềng x· hêi... còng kh«ng hò ỉum gi¶m ㊦i tÝnh chÊt k× bÝ vµ vai trß ㊦êi víi thục tiỒn cũa triỐt hắc, mụ vỄn ㊦Ồ ỉu ph¶i cũ mét t duy lý luỄn, ㊦óng ㊦³/₄n ㊦Ó kh«ng bP "l'c lèi" trong sù ph,t triỐn ㊦ã, h¬n n÷a, sù ph,t triỐn vỒ mEt x· hêi cũa khoa hắc kù thuỄt... còng t,c ㊦éng ngíc trê l'ỉ khoa hắc triỐt hắc: chøng minh hay

b,c bá nh÷ng quan @iÓm triỐt hăc, nhỀn ch©n @íc nh÷ng t tềng @óng
@³/₄n

Vii vai trß to lín cĩa triỐt hăc vii sù ph,t triỐn t tềng x· húi vµ vii
thùc tiỐn @êi sềng x· húi nh vỄy, tiỐu luỀn nỳy chØ mong tặng híp l'i
mét

sè vai trß @· @íc thũa nhỀn cĩa triỐt hăc trong @êi sềng x· húi.

TiỐu luỀn " **Vai trß cĩa triỐt hăc trong @êi sềng x· húi**"gồm 3
phÇn:

PhÇn1 :lời mở @Çu

PhÇn2:Nói dung:

I Ch÷ng I : TriỐt hăc - Mét khoa hăc

II Ch÷ngII : Vai trß cĩa m«n triỐt hăc trong @êi sềng x· húi

PhÇn 3 kỐt luỀn.

Chƣng I: TriŔt hăc - Mét m«n khoa hăc

I. Sù ra   i c a triŔt hăc v    nh ngh a triŔt hăc.

1 . Sù ra   i c a triŔt hăc

TtriŔt hăc ra   i   c  ph ng   ng v  ph ng T y g n nh c ng mét th i gian (kho ng t  th  k  th  VIII   n th  k  VII tr c c ng nguy n). t i mét s  trung t m v n minh c   i c a nh n lo i nh Trung Qu c,  n   , Hi L p.

Theo ng i Trung Qu c, thu t ng  triŔt hăc c  ngu n g c ng n ng  l  ch  triŔt v  khoa hăc n y hi u theo ngh a l  sù truy t m b n ch t c a   i t ng, triŔt hăc ch nh l  tr y, l  sù hi u bi t s u s c c a con ng i.

Theo ng i  n   , triŔt hăc   c coi l  Danshana, c  ngh a l  ch m ng ng nh ng mang h m ý l  tr y th c d a tr n lý tr y, l  con   ng suy ng m     d n d t con ng i   n v i l  ph i.

  ph ng T y thu t ng  triŔt hăc su t hi n   HiL p, theo ti ng HiL p triŔt hăc l  Philosophia, ngh a l  y u m n sù th ng th i, n  l  khoa hăc v a mang t nh   nh h ng v a nh n m nh   n kh t v ng t m ki m ch n lý c a con ng i.

Nh v y, cho d    ph ng   ng hay ph ng T y, ngay t    u triŔt hăc    l  ho t   ng tinh th n bi u hi n kh  n ng nh n th c,   nh gi , c a con ng i, n  t n t i v i t c, ch l  mét h nh th i ý th c x  h i.

2.   nh ngh a triŔt hăc.

   c  r t nhi u c ch   nh ngh a kh c nhau v  triŔt hăc, nh ng   u bao h m nh ng n i dung gi ng nhau:

TriŔt hăc nghi n c u th  gi i v i t c, ch l  mét ch nh th , t m ra nh ng quy lu t chung nh t chi ph i sù v n   ng c a ch nh th  n i chung, c a x  h i lo i ng i, c a con ng i trong cu c s ng c ng   ng n i ri ng v  th  hi n n  mét c ch c  h  th ng d i d ng duy lý.

VĒy: TriỐt hăc lư hỒ thềng trÝ thọc lý luĒn chung nhĒt cĩa con ngēi vỒ thỒ giĩi, vỒ vP trÝ vai trũ cĩa con ngēi trong thỒ giĩi Ēy.

II. TriỐt hăc vớ t c, ch lư mét khoa hăc.

Nguy nay, TriỐt hăc kh«ng cĩn lư bÝ mĒt mụ chỒ nh÷ng nhụ TriỐt hăc mĩ biỐt n÷a (Ph. ĩngghen, "Chềng şuy-rinh") nă tồ "Hhoa hăc cĩa c, c khoa hăc" ®· trē thụnհ mét m«n khoa hăc ®éc lĒp.

Lư mét m«n khoa hăc ®éc l©p, TriỐt hăc cCn ph¶i cã: şèi tĩng riềng cĩa nă, ph¶i cã ph-ng ph,p nghi^n cøu (gCn ph-ng ph,p luĒn vµ ph-ng ph,p riềng); cã c, c vĒn ®Ồ c- b¶n; cã c, c kh, i niỐm vµ c, c ph'm trĩ; c, c quy luĒt.

1. Şèi tĩng cĩa TriỐt hăc.

Theo Ph. ĩngghen: "TriỐt hăc lư khoa hăc vỒ c, c quy luĒt chung nhĒt sồ sũ vĒn ®éng vµ ph, t triỐn cĩa thỒ giĩi; tồ tù nhi^n, x· húi vµ c¶ t duy", (Ph. ĩng ghen, "chăng şuy-rinh")

Nh vĒy cã thÓ coi ®èi tĩng cĩa TriỐt hăc lư tù nhi^n, x· húi vµ t duy cĩa con ngēi: nhng TriỐt hăc kh«ng ph¶i lư khoa hăc tù nhi^n, khoa hăc vỒ x· húi, khoa hăc vỒ t duy (logic hăc) mụ lư khoa hăc chung nhĒt, nă coi thỒ giĩi lư "mét chỒnh thÓ thềng nhĒt " c, c mĒt tr^n.

2. Ph-ng ph,p nghi^n cøu.

- Cã mét ®iÒu ®Ēc biỐt cĩa khoa TriỐt hăc, ®ă lư, vớ khoa hăc nựy th× sũ kh, c nhau vỒ ph-ng ph,p luĒt lư c- sũ ®Ó phCn biỐt c, c trềng ph, i TriỐt hăc (si^u h×nh hay biỐn chøng), thÓ hiỒn tÝnh khoa hăc hay ph¶n ®éng cĩa mét hỒ thềng TriỐt hăc. Nguy^n nhCn cĩa hiỒn tĩng nựy xuĒt ph, t tồ ®èi tĩng cĩa TriỐt hăc: Coi thỒ giĩi nh lư mét chỒnh thÓ, nghi^n cøu bao trĩm thỒ giĩi: tù nhi^n, x· húi, t duy.

- TriỐt hăc nghi^n cøu thỒ giĩi b»ng ph-ng ph,p cĩa riềng m×nh kh, c vớ mĩi khoa hăc cồ thÓ: Nă xem xĐt thỒ giĩi nh mét chỒnh thÓ vµ t×m

c, ch @a ra mét hÖ thèng c, c quan niÖm vÒ chØnh thÓ @ã. §iÒu @ã chØ cũ thÓ thùc hiÖn @íc b»ng c, ch tæng kÖt toµn bé lpch sô cũa khoa hãc vµ lpch sô cũa b¶n th©n TriÖt hãc

3. VÊn @Ò c¬ b¶n cũa TriÖt hãc:

TriÖt hãc còng nh nh÷ng khoa hãc kh,c ph¶i gi¶i quyÖt rÊt nhiÒu vÊn @Ò cũa liªn quan víi nhau, trong @ã vÊn @Ò cùc kú quan träng lµ nÒn t¶ng vµ lµ @iÓm xuÊt ph,t Ó gi¶i quyÖt nh÷ng vÊn @Ò cũn l'i @íc gãi lµ vÊn @Ò c¬ b¶n cũa TriÖt hãc. Theo Ph. ñngghen "vÊn @Ò c¬ b¶n lín cũa mãi TriÖt hãc, @Æc biÖt lµ TriÖt hãc hiÖn @'i, lµ vÊn @Ò quan hÖ gi÷a t duy vµ t¶n t'i.

Gi¶i quyÖt vÊn @Ò c¬ b¶n cũa TriÖt hãc kh«ng chØ x,c @¶nh @íc nÒn t¶ng vµ @iÓm xuÊt ph,t Ó gi¶i quyÖt c,c vÊn @Ò kh,c cũa TriÖt hãc mµ nã cũn lµ tiªu chuÈn Ó x,c @¶nh lËp trêng, thÖ giú quan cũa c,c TriÖt gia vµ hãc thuyÖt cũa hã.

VÊn @Ò c¬ b¶n cũa TriÖt hãc cũ hai mÆt mçi mÆt ph¶i tr¶ lêi cho mét c©u hái lín:

MÆt thờ nhÊt: gi÷a ý thøc vµ vËt chÊt th× c,i nµo cũa tríc, c,i nµo cũa sau, c,i nµo quyÖt @¶nh c,i nµo?.

MÆt thờ hai: con ngêi cũ kh¶ n÷ng nhËn thøc @íc thÖ giú hay kh«ng?.

Tr¶ lêi cho hai c©u hái trªn liªn quan mËt thiÖt Ön viÖc h×nh thµnh c,c trêng ph,i TriÖt hãc vµ c,c hãc thuyÖt vÒ nhËn thøc cũa TriÖt hãc.

4. HÖ thèng c,c ph¹m trõ vµ c,c quy luËt.

Mçi bé m«n khoa hãc Öu cũ mét hÖ thèng ph¹m trõ riªng cũa m×nh ph¶n ,nh nh÷ng mÆt, nh÷ng thuéc tÝnh, nh÷ng mèi liªn hÖ c¬ b¶n vµ phæ biÖn thuéc ph¹m vi khoa hãc @ã nghiªn cøu.

Với các khoa học chuyên ngành các phạm trù triết học phản ánh những mối liên hệ chung trên một lĩnh vực nhất định của hiện thực thuộc phạm vi nghiên cứu của môn khoa học chuyên ngành nào. Chẳng hạn với Lịch sử, các phạm trù của phép biện chứng duy vật như: "(vật chất", "ý thức", "văn hóa", "sống", "sống im", "màu sắc" là những khái niệm trung tâm phản ánh những mặt những thuộc tính, những mối liên hệ cơ bản và phương diện nhất khách thể triết học của một lĩnh vực nhất định như ý nghĩa của hiện thực, mục của toàn bộ thế giới hiện thực, bao gồm tất cả những, xã hội và tự nhiên. Mặt sự vật, hiện tượng nào cả nguyên nhân xuất hiện, đâu cả qu, trình vật chất sống biến đổi, đâu cả màu sắc... nghĩa là đâu cả những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ triết học phản ánh trong các phạm trù của Triết học.

- Khi Triết học duy vật biện chứng ra đời; đã trở thành vỏ lý luận 3/4c bản cho giai cấp tiên tiến, đã kết tinh mãi tinh hoa của tất cả những loài, và về đây là "khoa học nhất"; là "triết học và hoàn vũ nhất", là "số 3/4c và toàn diện nhất" (V.I. Lênin; "Ba nguồn gốc của chủ nghĩa M, xã"). Và về đây cả thảy coi các quy luật của Triết học duy vật biện chứng là quy luật cơ bản của khoa học Triết học. Triết học duy vật biện chứng gồm ba quy luật cơ bản:

+ Quy luật màu sắc: là bản nguồn gốc và sống lúc văn hóa sống và phát triển của thế giới, tất cả các mặt: tự nhiên, xã hội, và tự nhiên.

+ Quy luật về mối quan hệ giữa mặt linh với mặt chất

Những bản chất thóc của sự phát triển.

+ Quy luật phản ánh của phản ánh: là bản con người tất yếu của sự phát triển.

III. §Æc ®iÖm cña khoa hãc triÖt hãc

1. TriÖt hãc tãn t'i nh mét h×nh th,i ý thøc x· húi

Nh c,c h×nh th,i ý thøc x· húi kh,c (®'o ®øc, t«n gi,o, khoa hãc...) Th× triÖt hãc còng tãn t'i vúi t c,ch lụ mét h×nh th,i ý thøc x· húi, tã lụ cã ®Æc tÝnh biÖn ®æi phø thuéc vµo sù biÖn ®æi cña tãn t'i x· húi vµ t,c ®éng trẽ l'i nh÷ng ®iÖu kiÖn nhÊt ®ñnh. Tuy nhiªn, triÖt hãc lụ mét h×nh th,i ý thøc x· húi ®Æc biÖt: nã kh«ng ph¶i lụ mét bé phËn trong h×nh th,i ý thøc x· húi khoa hãc v× b¶n chÊt nã còng lụ mét h×nh th,i ý thøc x· húi; nã kh«ng gièng nh t«n gi,o, lụ h×nh th,i ý thøc x· húi ra ®úi ngay tã thêi nguyªn thõy. TriÖt hãc chØ ra ®úi khi con ngúi ®· cã mét vèn hiÖu biÖt nhÊt ®ñnh vµ ®'t ®Ön kh¶ nãng rót ra ®ic c,i chung trong mu«n vµn nh÷ng sù kiÖn, hiÖn tång riªng lĩ vµ khi x· húi ®· ph,t triÖn ®Ön thêi kú h×nh thụn tÇng líp lao ®éng trÝ æc.

2. TriÖt hãc lụ hÖ thèng tri thøc chung nhÊt

§iÖu nuy thÓ hiÖn qua ®ñnh nghÜa vÒ triÖt hãc vµ ®úi tång cña nã.

3. TriÖt hãc mang tÝnh giai cÊp

Mçi t tång triÖt hãc ®Òu ®'i diÖn cho mét giai cÊp nhÊt ®ñnh trong x· húi vµ còng mçi t tång triÖt hãc ph¶i ,nh mét giai ®o'n mét tr×nh ®é nhËn thøc vÒ thÖ giúi cña mçi thêi ®'i nhÊt ®ñnh.

Kh«ng cã mét thø triÖt hãc phi giai cÊp, mét thø triÖt hãc chung chung. Mçi hÖ thèng triÖt hãc ®Òu cã ChÝnh §¶ng cña nã vµ trẽ thụn vò khÝ lý luËn cho mét giai cÊp nhÊt ®ñnh thèng lụ cã vai trß næi bÊt trong lÞch sã ë mçi thêi ®'i. Cø nh vËy "TriÖt hãc vËn cã tÝnh ®¶ng cña nã trong suèt thêi h-n 2000 nãm nay" (V.I. L'nin).

XEM THÊM

DỊCH VỤ VIẾT THUÊ TIỂU LUẬN UY TÍN, CHI PHÍ PHÙ HỢP

<https://luanvantot.com/dich-vu-viet-thue-tieu-luan/>

DỊCH VỤ CHỈNH SỬA ĐẠO VĂN

<https://luanvantot.com/dich-vu-kiem-tra-dao-van-chinh-sua-dao-van/>

200 ĐỀ TÀI TIỂU LUẬN TRIẾT HỌC + BÀI MẪU TRIẾT HỌC

<https://luanvantot.com/de-tai-tieu-luan-va-bai-mau-tieu-luan-triet-hoc/>

Ch-ng II: vai trß cña triÖt hác trong ®êi sèng x· hói

I. Mòi quan hÖ gi÷a lý luËn vµ thùc tiÖn

Nh phÇn trªn ®· kh¼ng ®Þnh, triÖt hác lµ mét h×nh th,i ý thøc x· hói. V× vËy nã mang ®Æc tÝnh chung cña c,c h×nh th,i ý thøc x· hói khi t,c ®éng trë l'i vói thùc tiÖn ®êi sèng, thÓ hiÖn râ nhÊt ẽ c,c mÆt: ý thøc x· hói cã thÓ "lÖch pha" vói t¦n t'i cña x· hói(cã thÓ ®i tríc c¶ thùc tr'ng x· hói , cã thÓ l'c hËu h-n t¦n t'i x· hói); ý thøc x· hói t,c ®éng trë l'i t¦n t'i x· hói.

1. ý Thøc x· hói triÖt hác cã thÓ vît tríc hoÆc l'c hËu h-n t¦n t'i x· hói.

a. T tæng triÖt hác cã thÓ l'c hËu h-n ®êi sèng, k×m h-m sù ph,t triÖn cña x· hói:

ý thøc x· hói nãi chung vµ ®Æc biÖt lµ triÖt hác lu«n g³n vói l'i Ých cña nh÷ng tÛp ®oµn ngêi nh÷ng giai cÊp nhÊt ®Þnh trong x· hói. V× vËy, nh÷ng t tæng cò, l'c hËu thêng ®íc c,c lúc lîng x· hói ph¶n tiÖn bé lu gi÷ vµ truyÖn b, nh»m chéng l'i c,c lúc lîng x· hói tiÖn bé.

Nh÷ng t tæng l'c hËu, thÕ giú quan ph¶n ®éng kh«ng mÊt ®i mét c, ch dô dưng. v× vËy trong sù nghiÖp x©y dùng x· hói míi ph¶i thêng xuyªn t'ng cêng c«ng t,c t tæng, ®Êu tranh chéng l'i nh÷ng ©m mu vµ hµnh ®éng ph, ho'i cña nh÷ng lúc lîng thõ ®Þch vÒ mÆt t tæng, kiªn tr× xoa bá nh÷ng truyÖn thêng t tæng tèt ®Ñp.

b. TriÖt hác cã thÓ vît tríc tr×nh ®é hiÖn ®'i cña t¦n t'i x· hói

Trong nh÷ng ®iÒu kiÖn nhÊt ®Þnh, t tæng cña con ngêi ®Æc biÖt lµ nh÷ng t tæng khoa hác tiªn tiÖn cã thÓ vît tríc sù ph,t triÖn cña t¦n t'i x· hói, vît tríc sù ph,t triÖn cña t¦n t'i x· hói, chØ ®'o ho't ®éng thùc tiÖn cña con ngêi, híng ho't ®éng ®ã vµo viÖc gi¶i quyÖt nh÷ng nhiÖm vô míi do sù ph,t triÖn chÝn muãi cña ®êi sèng vËt chÊt cña x· hói ®Æt ra.

Triết hãc M,c - L^anin lụ hÖ t tềg cĩa giai cÊp c, ch m'ng nhÊt cĩa thêi ®'i - giai cÊp c«ng nh©, nã trang bÞ cho giai cÊp c«ng nh©n vự chÝnh ®¶ng céng s¶n vò khÝ lý luËn s³/4c bÐn ®Ó gi¶i phẫng m×nh vự gi¶i phẫng nh©n d©n lao ®éng, c, c d©n tẻc bÞ ,p bẻc bẻc lét trẽn toạu thÖ giúi, tho,t khỏi ,c n« dẻch, bẻc lét, x©y dùng mét x· hẻi tẻt ®Ñp. V× vỄy, chØ nghỄa M,c - L^anin lụ hÖ thềg u viÖt nhÊt, lụ con ®ềg, s, ch líc tẻt nhÊt cho sù ph,t triÖn x· hẻi loạu ngêi.

2. T tềg triết hãc t, c ®éng trẻ l'i ®êi sềg x· hẻi

PH.iנגghen viÖt: "Sù ph,t triÖn vÒ mÆt chÝnh trÞ, ph,p luËt, tri't hãc, t«n gi,o, v'ñ hãc, nghÖ thuËt.... ®Òu ðưa vựo sù ph,t triÖn kinh tÖ. Nhng tẻt c¶ chóng cũ ¶nh hềg lén nhau vự ¶nh hềg ®Ön c¬ sẽ kinh tÖ".

Mẻc ®é ¶nh hềg cũa t tềg nãi chung vự t tềg triết hãc nãi ri'ng ®Ön sù ph,t triÖn x· hẻi phò thục vựo nh÷ng ®iÒu kiÖn lẻch sù cô thÓ, vựo tÝnh chÊt cũa c, c mềi quan hÖ kinh tÖ mự trẽn ®ã t tềg n¶y sinh, vựo vai trÞ lẻch sù cũa giai cÊp mang ngãn cê t tềg; vựo mẻc ®é ph¶n ,nh ®óng ®³/4ng cũa t tềg ®êi vớ c, c nhu cÇu ph,t triÖn cũa x· hẻi; vựo mẻc ®é mẽ réng cũa t tềg quÇn chóng, còng ðo ®ã, ẻ ®©y cÇn ph©n biÖt vai trÞ cũa ý thục t tềg tiÖn bẻ vự ý thục t tềg ph¶n tiÖn bẻ ®êi vớ sù ph,t triÖn cũa x· hẻi.

C.M,c kh'4ng ®Þnh: "Lúc lĩng vỄt chÊt chØ cũa thÓ bÞ ®,nh b'i bẻi lúc lĩng vỄt chÊt" vự mét hÖ t tềg t, c ®éng ®íc tí quÇn chóng hay khi cũ nh÷ng ®iÒu kiÖn ®Ó biÖn thựnh lúc lĩng vỄt chÊt" (C.M,c) th× nã mớ trẻ thựnh ®éng lúc cho sù ph,t triÖn cũa x· hẻi.

II. Vai trÞ cũa triết hãc trong ®êi sềg x· hẻi

Vai trÞ cũa triết hãc trong ®êi sềg x· hẻi ®ù-c thÓ hiÖn qua chẻc n'ng cũa triết hãc. Triết hãc cũa nhiÒu chẻc n'ng nh: Chẻc n'ng nhỄn thục,

chợc n'ng ®,nh gi,, chợc n'ng gi,o d'c.... Nhng quan tr'ng nh'Et k'p chợc n'ng th'ĩ gi'i quan v'p chợc n'ng ph-ng ph,p lu'En.

1. Chợc n'ng th'ĩ gi'i quan v'p chợc n'ng ph-ng ph,p lu'En c'na tri'ĩt h'ac

- Nh÷ng v'En ®Ò ®'ic tri'ĩt h'ac ®'Et ra v'p t'×m l'ei gi'i ®,p tr'ic h'ĩt l'p nh÷ng v'En ®'On th'uc v'Ò th'ĩ gi'i quan. Th'ĩ gi'i quan ®'ang vai tr'ß ®'Ec bi'ĩt quan tr'ng trong cu'ec s'eng c'na con ng'ei v'p x' h'ei l'oi ng'ei. T'ân t'i trong th'ĩ gi'i d'i mu'en hay kh'ng con ng'ei c'ng ph'i nh'En th'oc th'ĩ gi'i v'p nh'En th'oc b'i'n th'c'n m'×nh. Nh÷ng tri th'oc n'p'p d'c'n d'c'n h'×nh th'p'nh n'ân th'ĩ gi'i quan l'i tr'ë th'p'nh nh'c'n t'ë ®'p'nh h'ing, th'ĩ gi'i quan n'ân th'ĩ gi'i quan. Khi ®' h'×nh th'p'nh, th'ĩ gi'i quan tr'ë th'p'nh nh'c'n t'ë ®'p'nh h'ing cho qu, tr'×nh con ng'ei ti'ĩp t'oc nh'En th'oc th'ĩ gi'i.

Nh v'ÿy, th'ĩ gi'i quan ®'óng ®'¾n l'p ti'On ®Ò ®'Ó x,c l'ÿp nh'c'n sinh quan t'ých c'uc v'p tr'×nh ®'é ph,t tri'ĩn c'na th'ĩ gi'i quan l'p ti'au ch'ý quan tr'ng v'Ò s'ù tr'ëng th'p'nh c'na m'ei c, nh'c'n c'ng nh c'na m'ei céng ®'ang x' h'ei nh'Et ®'p'nh.

Tri'ĩt h'ac ra ®'ei v'it t c, ch l'p h't nh'c'n lý lu'En c'na th'ĩ gi'i quan, l'p'p cho th'ĩ gi'i quan ph,t tri'ĩn nh mét qu,n tr'×nh t'ù gi,c d'ua tr'ân s'ù t'æng k'ĩ kinh nghi'ĩm th'uc ti'On v'p tri th'oc do c,c khoa h'ac ®'a l'i.

Ph-ng ph,p lu'En l'p lý lu'En v'Ò ph-ng ph,p, l'p h'ĩ th'eng c,c quan ®'i'ĩm ch'Ø ®'o vi'ĩc t'×m t'bi, x'c'y d'ùng, l'ua ch'ân v'p v'En d'ong c,c ph-ng ph,p.

Tuy kh'ng ph'i l'p mét ng'p'nh khoa h'ac ®'éc l'ÿp nhng ph-ng ph,p lu'En l'p mét bé ph'En kh'ng th'ĩ thi'ĩu ®'ic trong b'Et k'ú mét ng'p'nh khoa h'ac n'p'o. X'Đt ph'm vi t,c d'ong c'na n'ã, ph-ng ph,p lu'c'n ng'p'nh; ph-ng ph,p lu'En ch'ong v'p ph-ng ph,p lu'En chung nh'Et.

+ Ph-ng ph,p lu'En ng'p'nh l'p ph-ng ph,p lu'En c'na mét ng'p'nh khoa h'ac c'ò th'ĩ n'p'o ®'ã.

+ Ph-nh ph,p luEn chung lụ ph-nh ph,p luEn ®ic sô đông cho 1 sê
ngũnh khoa hãc.

+ Ph-nh ph,p luEn chung nhÊt lụ ph-nh ph,p luEn ®ic đĩng lụm
®iÓm xuÊt ph,t cho viÖc x,c ®pnh c,c ph-nh ph,p luEn chung, c,c ph-nh
ph,p ho't ®éng kh,c cĩa con ngêi.

Vii t c,ch lụ hÖ theng tri thüc chung nhÊt cĩa con ngêi vÖ thÖ giúi vư
vai trß cĩa con ngêi trong thÖ giúi ®ã; vii viÖc nghi^n cõu nh÷ng quy luÊt
chung nhÊt cĩa tù nhi^n, x· héi vư t duy triÖt hãc thùc hiÖn chóc n'ng
ph-nh ph,p luEn chung nhÊt kh'ng ®pnh ®iÖu nưy, Ph.jngghen viÖt -
khi ph^a ph,n nh÷ng nhự khoa hãc tù nhi^n si'u h×nh kh«ng thÊy ®ic mèi
quan hÖ biÖn chøng c,c ngũnh khoa hãc, kh«ng thÊy ®ic sù kh,c nhau
gi÷a t duy lý luEn vii t duy thùc nghiÖm.

"Nh÷ng nhự khoa hãc tù nhi^n tẽng r'ng hã tho,t khái triÖt hãc b»ng
c,ch kh«ng ®Ó ý ®Ön nã hoÆc phØ b,ng nã. Nhng v× kh«ng cã t duy th×
hã kh«ng thÓ tiÖn l'n ®ic mét bíc nưo vư muèn t duy th× hã cÇn cã
nh÷ng ph'm trĩ l'gÝc, mụ nh÷ng ph'm trĩ Êy th× hã lêy mét c,ch kh«ng
ph^a ph,n, hoÆc lêy trong c,i ý thüc chung, th«ng theng cĩa nh÷ng ngêi gãi
lụ cã hãc thüc, c,i ý thüc bÞ theng trÞ bẽi nh÷ng tụn tÝch cĩa nh÷ng hÖ
theng triÖt hãc lẹi thêi hoÆc lêy trong nh÷ng m'nh vô cĩa c,c gi,o tr×nh
triÖt hãc b'át buéc trong c,c trẽng ®'i hãc (®ã kh«ng chØ lụ nh÷ng quan
®iÓm rêi r'c mụ cßn lụ mét mí hãc lín nh÷ng ý kiÖn cĩa nh÷ng ngêi thuéc
c,c trẽng ph,i hÖt sọc kh,c nhau vư theng lụ nh÷ng trẽng ph,i tải tÖ nhÊt)
HoÆc lêy trong nh÷ng t,c phÈm triÖt hãc ®ñ lo'i mụ hã ®ãc mét c,ch
kh«ng cã hÖ theng vư kh«ng cã ph^a ph,n. - Cho n^n, dĩ sao, rót cõc l'i, hã
vén bÞ lÖ thuéc vưo triÖt hãc vư ®,ng tiÖc theng lụ thø triÖt hãc tải tÖ
nhÊt. Nh÷ng k' n« lÖ cĩa nh÷ng tụn tÝch th«ng tōc ho,, tải tÖ nhÊt cĩa
nh÷ng hãc thuyÖt triÖt hãc tải tÖ nhÊt.

Dĩ nh÷ng nhự khoa hăc tù nhi^an cã lụm g× ®i n÷a th× hă còng vĒn bĒ triỐt hăc chi phèi, vĒn ®Ò chØ ẽ chặ hă muèn bĒ chi phèi bĒi mét thọc triỐt hăc tải tỖ híp mèt, hay hă muèn ®íc híng dĒn bĒi mét h×nh thọc t duy lý luĒn ðưa trăn sù hiỐu biỐt vÒ lậch số t tĕng vự nh÷ng thụnհ tù cĩa nă ""

(PH.jngghen; "BiỐn chơng cĩa tù nhi^an")

V× vĒy, mặi quan ®iỐm lý luĒn cĩa triỐt hăc ®ăng thêi lụ mét nguy^an t³/4c trong viỐc x,c ®pnh ph-ng ph,p, lụ lý luĒn vÒ ph-ng ph,p.

Nh÷ng chọc n÷ng năi trăn ®íc thục hiỐn ẽ c,c hăc thuyỐt triỐt hăc khoa hăc t'ỏ n^an kh¶i n÷ng c¶i t'ỏ thỖ giúi cĩa hăc thuyỐt triỐt hăc ®ă, trĕ thụnհ mét c«ng cô h÷u hiỐu trong ho't ®éng chỖ ngừ giúi tù nhi^an vự sù nghiÖp gi¶i phẫng con ngêi cĩa nh÷ng lúc lĩng s¶n xuĒt.

2. Chọc n÷ng ph¶i ,nh hiỐn thục cĩa ®êi sềng x· húi vự chọc n÷ng ®éng lúc cho sù ph,t triỐn x· húi.

- Mặi hỖ thềng triỐt hăc ®Òu ra ®êi trong nh÷ng hoạn c¶nh x· húi nhĒt ®pnh, ph¶i ,nh t tĕng, ®pa vĒ, mong muèn cĩa giai cĒp mụ nă phóc vộ; mèi hỖ t tĕng TriỐt hăc ®ă ®Òu lụ "tinh hoa cĩa thêi ®'i" ®ă.

C.M,c viỐt r»ng: "C,c TriỐt ra kh«ng mắc l^an nh nĒm tỖ tr,i ®Ēt, hă lụ s¶n phĒm cĩa thêi ®'i, cĩa d©n tĕc m×nh, mụ đbng s÷a tinh tỖ nhĒt quý gi, vự v« h×nh ®íc tĒp trung l'i trong nh÷ng t tĕng TriỐt hăc".

Hay nh G.V. Hegel, «ng coi sù ra ®êi cĩa c,c hăc thuyỐt TriỐt hăc lụ "sù tĒt yỖu", coi "triỐt hăc lụ tinh hoa cĩa thêi ®'i m×nh,vự do ®ă nă thục hiỐn chọc n÷ng ®íc x· húi phẫ th,c trong ph'ím vi cĩa thêi ®'i vự chØ khi ®ă tÝnh tÝch cùc cĩa t duy triỐt hăc múi ®íc ph,t huy.

- Cĩng víi t c,ch lụ mét h×nh th,i ý thọc x· húi nhng lụ h×nh th,i ý thọc x· húi ®Æc biỐt, chung nhĒt, TriỐt hăc, nỖu ph¶i ,nh ®óng xu thỖ cĩa thêi ®'i th× nă sĩ lụ c¬ sẽ lý luĒn cho giai cĒp tiỐn bé thục hiỐn sù

nghiệp của mình, cho đó là một điều đáng tự hào và đáng trân trọng của các lãnh vực của đời sống xã hội, tôi đã nỗ lực tận dụng mọi mặt tinh thần cho sự phát triển xã hội.

KÕt luËn

Qua sù kh¶o s,t s[¬] lïc vÒ vai trß cña triÕt hãc trong ®êi sèng x· héi, rót ra mét sè nhËn xÐt sau:

- Khi bµn vÒ vai trß cña TriÕt hãc trong ®êi sèng x· héi, t,c ®éng cña nã ®Õn hiÕn thùc x· héi th× tríc tiªn ph¶i qu,n triÕt r»ng: TriÕt hãc lµ m«n khoa hãc ch©n chÝnh, chø kh«ng ph¶i lµ tÛp hîp nh÷ng t têng gi¶i thÝch thÕ gi¶i cña nh÷ng TriÕt gia, nh÷ng nhµ t têng, Nh÷ng t têng cña hã kh«ng ph¶i lµ xuÊt ph,t tõ h¶o t©m hay thµnh ý cña hã.

Tuy nhiªn, TriÕt hãc còng lµ mét h×nh th,i ý thøc x· héi, VÒ tÝnh chÊt nµy cña nã, nã ph¶i ®Þnh tÝnh chÊt lµ mét khoa hãc chuyªn nghµnh (lµ mét bé phËn cña h×nh th,i ý thøc x· héi khoa hãc) v× vËy nã lµ mét khoa hãc ®Æc biÕt mang tÝnh chung nhÊt trõu tÝng nhÊt vÒ thÕ gi¶i.

- Sù t,c ®éng cña t tÝng triÕt hãc, vai trß cña nã ®èi víi ®êi sèng lµ: "kh«ng ph¶i lµ gi¶i thÝch thÕ gi¶i mµ vÊn ®Ò lµ ẽ chøc ¶i t'o thÕ gi¶i" (C.M,c), triÕt hãc ph¶i lµ khoa hãc "gi¶i thÝch thÕ gi¶i thÕ tc chø kh«ng ph¶i lµ tho,t ly thÕ gi¶i thÕ tc "(C M,c; "Lêi nãi ®Çu trang phª ph,n Nhµ níc ph,p quyÒn cña Hªghel ").

TriÕt hãc t,c ®éng ®Õn ®êi sèng hiÕn thùc trªn vÞ trÝ, t c,ch ®Æc biÕt. Nã lµ h't nh©n c b¶n cña thÕ gi¶i quan.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. PH.ĩngghen: "BiÖn chøng cĩa tù nhi^n"

NXB ChÝnh trÞ quèc gia Hµ Núi - 2005

2. V.I. L^nin: "L^nin toµn tËp" - TËp 23

NXB ChÝnh trÞ quèc gia Hµ Núi - 2003

3. C. M,c : "Lêi nãi ®Çu trong ph^n ph,n triÖt hãc ph,p quyÒn cĩa H^ghen"

"C.M,c - PH.ĩngghen tuyÓn tËp"

4. Gi,o tr×nh triÖt hãc M,c - L^nin.

NXB ChÝnh trÞ quèc gia Hµ Núi - 2003

6. PH.ĩngghen "Chèng §uy-rinh".

Môc lôc

	<i>Trang</i>
Lêi mệ ®Çu	1
Ch¬ng I: TriÕt hãc - Mét m«n khoa hãc	3
<i>I. Sù ra ®êi cõa triÕt hãc vµ ®Þnh nghÜa triÕt hãc.</i>	<i>3</i>
1. Sù ra ®êi cõa triÕt hãc	3
2. §Þnh nghÜa triÕt hãc.	3
<i>II. TriÕt hãc vói t c, ch lụ mét khoa hãc.</i>	<i>4</i>
1. §èi tÝng cõa TriÕt hãc.	4
2. Ph¬ng ph, p nghiªn cøu.	4
3. VÊn ®Ò c¬ b¶n cõa TriÕt hãc:	5
4. HÖ thèng c, c ph¹m trÞ vµ c, c quy luËt.	5
<i>III. §Æc ®iÓm cõa khoa hãc triÕt hãc</i>	<i>6</i>
1. TriÕt hãc t¶n t¹i nh mét h×nh th, i ý thøc x· héi	6
2. TriÕt hãc lụ hÖ thèng tri thøc chung nhÊt	7
3. TriÕt hãc mang tÝnh giai cÊp	7
Ch¬ng II: vai trß cõa triÕt hãc trong ®êi sèng x· héi	8
<i>I. Mòi quan hÖ gi÷a lý luËn vµ thùc tiÔn</i>	<i>8</i>
1. Ý Thøc x· héi triÕt hãc cã thÓ vît tríc hoÆc l¹c hËu h¬n t¶n t¹i x· héi.	8
2. T tæng triÕt hãc t, c ®éng trë l¹i ®êi sèng x· héi	9
<i>II. Vai trß cõa triÕt hãc trong ®êi sèng x· héi</i>	<i>9</i>
1. Chøc n¨ng thÕ giú quan vµ chøc n¨ng ph¬ng ph, p luË cõa triÕt hãc	10
2. Chøc n¨ng ph¶n, nh hiÔn thùc cõa ®êi sèng x· héi vµ chøc n¨ng ®éng lúc cho sù ph, t triÔn x· héi.	12

Kết luận

13

Danh mục tài liệu tham khảo